TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 298/2020/HNGĐ-ST
Ngày 03/9/2020
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Hùng
2. Ông Nguyễn Văn Vân

Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 03/9/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2020/TLST- HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 03/8/2020; quyết định hoãn phiên tòa số 30/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1991.

- *Bị đơn*: Chị Phạm Thị Y, sinh năm 1991.

Cùng trú tại: Thôn B, xã S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

(anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Y vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/10/2010 tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng làm ăn sinh sống tại thôn B, xã S, huyện Sơn Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Y ngoại tình với

người đàn ông khác dẫn đến cuộc sống luôn trong tình trạng căng thẳng. Do không chịu đựng được anh đã đã sống ly thân với chị Y từ tháng 01/2020 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay anh xác định tình cảm không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Y.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 18/11/2010 và cháu Nguyễn Hương T, sinh ngày 28/9/2016. Khi ly hôn anh đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu T, còn cháu H anh nhất trí giao cháu cho chị Y nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản, đất đai chung: Anh xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 21/5/2020 chị Phạm Thị Y trình bày:

Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống giữa chị và anh Đ như anh Đ trình bày là đúng. Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn chị Y xác định khoảng tháng 01/2020 do anh Đ gây áp lực cho chị và đuổi chị ra khỏi nhà mà không rõ nguyên nhân. Quan điểm của chị Y là tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị không nhất trí ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị Y xác định quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 18/11/2010 và cháu Nguyễn Hương T, sinh ngày 28/9/2016. Nếu anh Đ kiên quyết xin ly hôn chị đề nghị Tòa án xem xét cho chị được quyền nuôi dưỡng và giáo dục cháu H, chị nhất trí giao cháu T cho anh Đ nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản chung: Qúa trình chung sống anh chị có xây một ngôi nhà ngang, đổ mái, xây dựng vào khoảng năm 2010. Đến năm 2018 vợ chồng chị có sửa lại ngôi nhà. Giá trị ngôi nhà hiện nay là 400.000.000đồng (Bốn trăm triệu đồng). Khi ly hôn chị đề nghị anh Đ phải trả số tiền chênh lệch ngôi nhà cho chị.

Về đất đai chung: Anh chị có hai thửa đất bao gồm: thửa số 57, tờ bản đồ số 20, diện tích 120m2. Thửa số 20, tờ bản đồ số 20, diện tích 100m2. Cả hai thửa đất nêu trên đều có địa chỉ tại thôn B, xã S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Giá trị cả hai thửa đất là 2.300.000.000đồng (Hai tỷ ba trăm triệu đồng). Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án xem xét phân chia tài sản theo quy định của pháp luật.

Về công nợ chung: Chị Y xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ, xử cho anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với chị Phạm Thị Y. Giao cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 18/11/2010 cho chị Phạm Thị Y nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Hương T, sinh ngày 28/9/2016 cho anh Nguyễn Văn Đ nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản, đất đai chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Y đề nghị phân chia tài sản, đất đai chung. Tòa án cũng đã ban hành thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 125/TB-TA, ngày 29/4/2020 đối với chị Phạm Thị Y. Tuy nhiên đã quá thời hạn nộp tiền mà chị Y không thực hiện. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu phân chia tài sản, đất đai chung của chị Y. Về vay nợ giữa các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Đ và chị Y kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Phạm Thị Y đều đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn B, xã S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Chị Y đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn Đ, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của anh Đ và chị Y xác định: Anh Đ và chị Y kết hôn vào năm 2010. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại thôn B, xã S, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2019 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn. Anh Đ và chị Y cũng sống ly thân từ tháng 01/2020 đến nay.

Bản thân anh Đ xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ và chị Y cũng thừa nhận anh chị sống ly thân từ tháng 01/2020.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa anh Đ và chị Y đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh Đ là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Quá trình giải quyết ly hôn anh Đ đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hương T và muốn giao cháu Nguyễn Duy H cho chị Y nuôi dưỡng, giáo dục Chị Y nhất trí với quan điểm về phần giao nuôi con chung của anh Đ. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 giao cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 18/11/2010 cho chị Phạm Thị Y nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Hương T, sinh ngày 28/9/2016 cho anh Nguyễn Văn Đ nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản, đất đai chung: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị Y đề nghị Tòa án phân chia phần tài sản, đất đai chung. Ngày 29/4/2020 Tòa án đã ban thành Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 125/TB-TA đối với chị Y. Ngày 04/5/2020 Tòa án có nhận được đơn xin hoãn nộp tiền tạm ứng án phí của chị Y. Tuy nhiên từ khi chị Y xin hoãn nộp tiền tạm ứng án phí đến khi Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 03/8/2020 chị Y chưa nộp tiền tạm ứng án phí, vì vậy Tòa án không có căn cứ để xem xét yêu cầu của chị Y. Chị Y có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân bằng một vụ án khác.

[7] Về công nợ chung: chị Y và anh Đ đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Y không phải nộp án phí.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với chị Phạm Thị Y

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với chị Phạm Thị Y.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 18/11/2010 cho chị Phạm Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Hương T, sinh ngày 28/9/2016 cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003274 ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Chị Phạm Thị Y không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03/9/2020), vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Lê Tuấn Linh